

Bản án số: 68/2021/DS-PT

Ngày: 20-5-2021

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

<i>Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:</i>	Bà Đinh Thị Quý Chi
<i>Các Thẩm phán:</i>	Ông Bùi Thanh Thảo
	Ông Lê Quang Ninh

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Hồ Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:
Ông Hà Văn Chuyên – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 34/2021/TLPT ngày 02/4/2021 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2021/DS-ST ngày 22 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2021/QĐPT-DS ngày 29 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

* ***Nguyên đơn:*** Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1988, địa chỉ: khu phố 3, phường L1, thị xã P, tỉnh Bình Phước (có mặt)

* ***Bị đơn:*** Ông Nguyễn Tấn T, sinh năm 1975 (có mặt)
Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: khu phố B, phường S, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T, bà H: ông Đinh Quang S1, sinh năm 1960, địa chỉ: Thôn 8, xã N, huyện B1, tỉnh Bình Phước (theo Giấy ủy quyền lập ngày 08/02/2021 tại Văn phòng công chứng B2, thôn 2, xã Đ, huyện B1, tỉnh Bình Phước - có mặt).

* ***Người kháng cáo:*** Bị đơn Ông Nguyễn Tấn T, Bà Nguyễn Thị Thu H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày, nguyên đơn Ông Nguyễn Văn L trình bày:

Do là bạn bè quen biết nên ngày 28/01/2019, Ông Nguyễn Văn L có cho Ông Nguyễn Tấn T, Bà Nguyễn Thị Thu H vay số tiền 1.300.000.000 đồng và ngày 23/4/2020 ông L cho ông T, bà H vay số tiền 2.500.000.000 đồng, có công chứng hợp đồng vay tài sản. Tổng số tiền vay là 3.800.000.000 (*Ba tỷ tám trăm triệu*) đồng. Hạn cuối trả nợ là vào ngày 23/06/2020. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án ông L trình bày và thừa nhận là trong số tiền 1.300.000.000 đồng thì ông T đã trả được 400.000.000 đồng. Do đó tổng số tiền còn lại mà ông T, bà H nợ là 3.400.000.000 đồng. Đã quá thời hạn trả nợ, ông T, Bà H vẫn chưa trả số tiền 3.400.000.000 đồng trên nên ông L khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông T, bà H phải có nghĩa vụ trả cho ông L số tiền 3.400.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 23/6/2020 theo lãi suất 1%/tháng, từ 23/6/2020 đến ngày 22/01/2021 là 06 tháng 29 ngày trên tổng số tiền là 3.400.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với số tiền gốc 3.400.000.000 đồng. Thay đổi yêu cầu về lãi suất, chỉ yêu cầu tiền lãi trên số tiền gốc 2.500.000.000 đồng (Do số tiền 900.000.000 đồng gốc còn lại theo giấy vay tiền ngày 28/01/2019 không thỏa thuận việc trả lãi nên ông đề nghị rút yêu cầu về lãi của số tiền này)

Theo lời khai của Ông Nguyễn Tấn T, Bà Nguyễn Thị Thu H trong quá trình giải quyết vụ án:

Biên bản lấy lời khai ngày 13/11/2020 (Bút lục 26) thể hiện: Ông T, bà H chỉ thừa nhận là còn nợ Ông Nguyễn Văn L số tiền 2.500.000.000 (*Hai tỷ năm trăm triệu*) đồng theo hợp đồng vay ký ngày 23/04/2020, (Trong đó có 2.300.000.000 đồng tiền gốc và 200.000.000 đồng tiền lãi). Còn đối với khoản vay 1.300.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 28/01/2019 có chữ ký của Ông Nguyễn Tấn T là do ông T viết và ký tên, vay để đáo hạn Ngân hàng nhưng ông T, bà H đã trả hết số tiền này rồi. Nay ông L khởi kiện buộc ông bà trả tổng số tiền nợ là 3.800.000.000 đồng thì ông T, bà H không đồng ý, ông T, bà H chỉ thừa nhận số tiền còn nợ ông L là 2.500.000.000 đồng. Ông T, bà H có thiện chí trả nợ nhưng chưa bán đất được nên chưa có tiền trả nợ được cho ông L và ông T, bà H sẽ tìm người bán đất để có tiền trả cho ông L.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2021/DS-ST ngày 22 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bình Phước, tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ông Nguyễn Văn L.

Buộc Ông Nguyễn Tấn T và Bà Nguyễn Thị Thu H có nghĩa vụ liên đới trả cho Ông Nguyễn Văn L số tiền là **3.574.166.670** (*Ba tỷ năm trăm bảy mươi tư triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm bảy mươi*) đồng, gồm: 3.400.000.000 (*Ba tỷ bốn trăm triệu*) đồng nợ gốc và 174.166.670 (*Một trăm bảy mươi tư triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm bảy mươi*) đồng tiền lãi tạm tính đến 22/01/2021.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 08/02/2021, bị đơn Ông Nguyễn Tấn T, Bà Nguyễn Thị Thu H có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm; đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước sửa án sơ thẩm theo hướng chỉ buộc ông T, bà H trả cho ông L số tiền nợ gốc 2.500.000.000đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo.
- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước:

Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn trong thời hạn luật định, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định pháp luật, nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét kháng cáo yêu cầu Tòa án chỉ buộc Ông Nguyễn Tấn T Bà Nguyễn Thị Thu H phải trả Ông Nguyễn Văn L số tiền 2.500.000.000 đồng của bị đơn ông T bà H, Hội đồng xét xử thấy:

[2.2] Các bên đương sự đều thừa nhận: Vào ngày 28/01/2019, ông T có viết giấy biên nhận vay của ông L số tiền 1.300.000.000 đồng (bút lục 21) và ngày 23/4/2020 tại Văn phòng công chứng T1, ông T cùng vợ là bà H có lập với ông L Hợp đồng vay tiền với nội dung ông T, bà H vay của ông L số tiền 2.500.000.000 đồng (bút lục 20).

[2.3] Xét, trình bày của bị đơn ông T bà H, ông S1 cho rằng ông T bà H đã trả xong cả tiền gốc và lãi đối với khoản nợ 1.300.000.000 đồng, hiện chỉ còn nợ khoản tiền 2.500.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại Tòa, ông T bà H xác nhận từ năm 2016 đến năm 2020 ông bà có rất nhiều lần vay tiền có tính lãi suất của ông L để làm ăn. Tuy nhiên, trình bày của phía bị đơn là có mâu thuẫn, cụ thể: ông T bà H cho rằng các lần vay ông bà đều ghi giấy biên nhận nợ cho ông L nhưng khi trả nợ thì không yêu cầu ông L gạch xóa, xé bỏ, yêu cầu được lấy lại bản gốc giấy vay nợ và cũng không có văn bản nào khác ghi nhận việc trả nợ hay việc hết hiệu lực của các giấy này mà vẫn để ông L giữ bản gốc là mâu thuẫn. Trong khi, phía nguyên đơn thì cho rằng mỗi lần

thanh toán xong hai bên đều gạch bỏ giấy vay tiền và chỉ thừa nhận ông T mới trả được 400.000.000 đồng trong khoản nợ 1.300.000.000 đồng này.

Xét trình bày của phía bị đơn về việc bị đơn cho rằng: nếu khoản vay ngày 28/01/2019 chưa trả thì khi lập Hợp đồng vay tiền ngày 23/4/2020 ông L phải yêu cầu ông T bà H cộng gộp vào khoản vay mới 2.500.000.000 đồng, nhưng ông L không yêu cầu cộng gộp là thể hiện ông T bà H đã trả xong khoản tiền 1.300.000.000 đồng. Xét thấy, lập luận này là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

Về việc tại Tòa phúc thẩm phía bị đơn cho rằng khoản tiền 1.300.000.000 đồng được ông T mang trả cho ông L tại Ngân hàng TMCP N1–Phòng giao dịch P sau ngày lập giấy vay khoảng 2 đến 3 ngày, khi trả ông T giao cho nhân viên ngân hàng tên P1 - giao tay chứ không ghi biên nhận, khi trả tiền không có mặt ông L. Ông L không thừa nhận việc này mà cho rằng mỗi lần nhận nợ thì ông L đều nhận trực tiếp chứ không nhờ ai nhận. Xét việc ông T bà H cho rằng ông T trả nợ cho ông L thông qua người tên P1 là không có căn cứ nên không có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Do bị đơn không xuất trình được chứng cứ nào mới để chứng minh cho lời trình bày của mình là đúng nên cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về việc buộc ông T bà H phải trả ông L tổng số nợ gốc 3.400.000.000 đồng.

[2.4] Về tiền lãi: Nguyên đơn yêu cầu được tính tiền lãi của khoản nợ 2.500.000.000 đồng từ ngày 23/6/2020 (ngày hết hạn vay) cho đến ngày xét xử sơ thẩm 21/01/2021 với mức 1%/tháng. Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn 174.166.670 đồng tiền lãi (2,5 tỷ x 1%/tháng x 06 tháng 29 ngày) là có căn cứ, phù hợp với quy định về lãi suất tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên cần giữ nguyên quyết định này của bản án sơ thẩm.

Từ những phân tích trên, thấy rằng kháng cáo của các bị đơn là không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Tuy nhiên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm có thiếu sót trong việc không áp dụng các điều luật quy định liên quan đến hợp đồng vay tài sản như các điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên cần bổ sung cho đầy đủ.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa là có căn cứ được chấp nhận.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của ông T bà H không được chấp nhận nên ông T bà H phải chịu 300.000đ.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Ông Nguyễn Tấn T, Bà Nguyễn Thị Thu H.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2021/DS-ST ngày 22 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bình Phước.

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 463; 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Nguyễn Văn L.

Buộc Ông Nguyễn Tấn T và Bà Nguyễn Thị Thu H có nghĩa vụ liên đới trả cho Ông Nguyễn Văn L số tiền là **3.574.166.670** đồng (*Ba tỷ năm trăm bảy mươi tư triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm bảy mươi đồng*), gồm: 3.400.000.000 đồng (*Ba tỷ bốn trăm triệu đồng*) nợ gốc và 174.166.670 đồng (*Một trăm bảy mươi tư triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm bảy mươi đồng*) tiền lãi tính từ ngày 23/6/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 22/01/2021.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Tấn T và Bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu 103.483.333 đồng (một trăm linh ba triệu bốn trăm tám mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng).

Nguyên đơn Ông Nguyễn Văn L không phải chịu. Chi Cục Thi hành án dân sự thị xã P, tỉnh Bình Phước hoàn trả cho ông L số tiền 54.000.000 đồng (năm mươi bốn triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007021 ngày 29/10/2020.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Tấn T và Bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007135 ngày 01/3/2021 tại Chi cục thi hành án thị xã P, tỉnh Bình Phước.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND thị xã P;
- Chi cục THADS thị xã P;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP, Tòa DS.

Đinh Thị Quý Chi